

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀNG ĐỊNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 01 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp con chung
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bảy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Quy;

Bà Đàm Thiều Phương.

-Thư ký phiên toà: Bà Bé Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
tham gia phiên toà:*** Ông Hoàng Trường Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 84/2021/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Bé V, sinh năm 1993, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Bị đơn: Anh Bàn Văn N, sinh năm 1990, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt và các tài liệu đã được công khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị Bé V trình bày: Chị và anh Bàn Văn N được tự do

tìm hiểu, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 02 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Yên, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Sau khi đăng ký kết hôn, anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2013, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung nên hai vợ chồng ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay chị V xác định chị và anh N đã không còn muốn quan tâm đến đời sống của nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không ai còn muốn hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Văn N.

Về con chung: Chị và anh Bàn Văn N có 01 con chung là cháu Bàn Minh H, sinh ngày 06/01/2012. Khi ly hôn, chị Đặng Thị Bé V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, theo đơn khởi kiện, chị Đặng Thị Bé V yêu cầu anh Bàn Văn N cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đặng Thị Bé V và anh Bàn Văn N đều yêu cầu được tự nguyện thỏa thuận về tiền cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, vay nợ chung, riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra trong quá trình giải quyết, chị Đặng Thị Bé V có đơn yêu cầu Tòa án không tổ chức, tiến hành phiên họp hòa giải.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt và các tài liệu đã được công bố tại phiên tòa, bị đơn anh Bàn Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Anh thừa nhận lời khai của chị Đặng Thị Bé V khai là đúng về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân dẫn đến ly hôn và tình trạng quan hệ vợ chồng hiện nay. Nay vợ anh yêu cầu ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Anh thừa nhận giữa anh và chị Đặng Thị Bé V có 01 con chung là cháu Bàn Minh H, sinh ngày 06/01/2012. Khi ly hôn, anh N đồng ý để chị Đặng Thị Bé V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi cháu đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh N và chị V tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung, riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chị Đặng Thị Bé V đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Bàn

Văn N tuy đã chấp hành nhưng chưa đầy đủ theo quy định tại các Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Đặng Thị Bé V được ly hôn với anh Bàn Văn N; về con chung: Giao con chung là cháu Bàn Minh H, sinh ngày 06/01/2012 cho chị Đặng Thị Bé V nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Bàn Văn N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở ; về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Không có; về án phí: Chị Đặng Thị Bé V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Bàn Văn N là bị đơn có đăng ký nhân khẩu thường trú tại: Thôn Thôn Nà Deng, xã Tân Yên, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt do dịch bệnh covid. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị Bé V và anh Bàn Văn N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Yên, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 13/02/2012, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung nên hai vợ chồng ly thân từ năm 2013 đến nay. Việc sống ly thân mà cả hai người không ai còn yêu thương, quan tâm chăm sóc và không ai có ý định hàn gắn tình cảm gia đình thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Đặng Thị Bé V yêu cầu ly hôn anh Bàn Văn N là có căn cứ.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhận định này được cả nguyên đơn và bị đơn thừa nhận và đều nhất trí ly hôn, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Bé V và cho chị Đặng Thị Bé V được ly hôn với anh Bàn Văn N.

[5] Về con chung: Anh Bàn Văn N và chị Đặng Thị Bé V đều thừa nhận có 01 con chung là cháu Bàn Minh H sinh ngày 06/01/2012, đồng thời anh N, chị V thống nhất giao con chung cho chị Đặng Thị Bé V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hiện cháu H đang do chị V chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận này, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Bàn Minh H. Về cấp dưỡng nuôi con chung, theo đơn khởi kiện, chị Đặng Thị Bé V yêu cầu anh Bàn Văn N cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đặng Thị Bé V và anh Bàn Văn N đều yêu cầu được tự nguyện thỏa thuận về tiền cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, vay nợ chung, riêng: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Đặng Thị Bé V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Bé V được ly hôn với anh Bàn Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Bàn Minh H, sinh ngày 06/01/2012 cho chị Đặng Thị Bé V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Bàn Văn N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị Bé V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị V đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/00062805, ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị Bé V, anh Bàn Văn N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Trảng Định;
- Chi cục THADS huyện Trảng Định;
- UBND xã Tân Yên, H.Trảng Định;
- T.Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bấy